

b/ Tính giá trị biểu thức:

$$28,5 \times 4,8 + 0,8$$

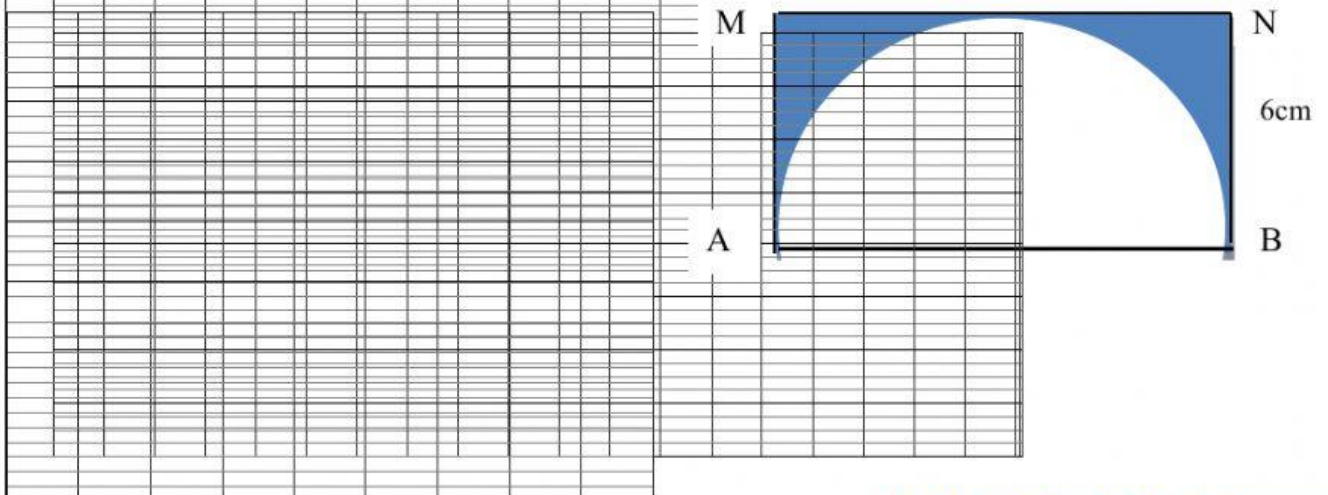
[illegible]

Câu 9: Quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B dài 152km. Một người đi ô tô từ tỉnh A đến tỉnh B với vận tốc 50 km/ giờ. Cùng lúc đó, một người đi xe máy từ tỉnh B về tỉnh A với vận tốc bằng $\frac{3}{5}$ vận tốc ô tô.

- Kể từ lúc bắt đầu đi, sau bao lâu ô tô và xe máy gặp nhau?
- Chỗ gặp cách B bao nhiêu ki-lô-mét

A large grid of graph paper, approximately 20 units wide and 15 units high. A smaller grid of graph paper, approximately 10 units wide and 10 units high, is attached to the bottom left corner of the larger grid. The smaller grid is positioned such that its top-left corner is at the bottom-left corner of the larger grid.

Câu 10: Tính diện tích phần tô đậm hình bên biết nửa hình tròn tâm O đường kính AB nằm trong hình chữ nhật AMNB có NB = 6cm.



6:0,5đ **Câu 1: Phân số thập phân $\frac{28}{10}$ được viết thành số thập phân là:**

-0,5đ **Câu 2:** Chữ số 6 trong số thập phân 74,246 có giá trị là:

- / 0,5đ **Câu 3: Hỗn số $30\frac{19}{1000}$ viết dưới dạng số thập phân là:**

-/0,5đ **Câu 4: Lớp học có 30 học sinh nữ và 20 học sinh nam. Tỉ số phần trăm của học sinh nam và số học sinh cả lớp là:**

- / 0,5đ **Câu 5:** $4,57 \text{ m}^3 = \dots \text{ dm}^3$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

-/0,5đ **Câu 6: Mặt bàn hình tròn có đường kính 6 cm thì có diện tích là:**

- A. 62,8 cm² B. 113,04cm² C. 18,84dm² D. 28,26 cm²

..../ 2đ **Câu 7: Đặt tính và tính:**

$24,8 \times 0,49$

$$35,67 : 2,9$$

[illegible]

$$12 \text{ giờ } 37 \text{ phút} + 9 \text{ giờ } 27 \text{ phút}$$

5 ngày 8 giờ - 2 ngày 15 giờ

[illegible]

Đề 3:

...../ 3đ **PHẦN 1:** Khoanh tròn vào chữ A,B,C,D trước ý trả lời đúng nhất câu 1 đến câu

6: ...0,5đ **Câu 1: Phân số thập phân $\frac{205}{100}$ được viết thành số thập phân là:**

- A. 2,05 B. 0,025 C. 0,25 D. 0,205

....0,5đ **Câu 2:** Chữ số 6 trong số thập phân 70,26 có giá trị là:

- A. 60 B. $\frac{6}{10}$ C. $\frac{6}{100}$ D. $\frac{6}{1000}$

...../0,5đ **Câu 3:** Hỗn số $5\frac{19}{1000}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 50,19 B. 5,019 C. 50,019 D. 5,0019

..../0,5đ **Câu 4: Lớp học có 16 học sinh nữ và 24 học sinh nam. Tỉ số phần trăm của học sinh nam và số học sinh cả lớp là:**

- A. 40% B. 150% C. 60% D. 0,6%

.... / 0,5đ **Câu 5:** $14,57 \text{ m}^3 = \dots \text{ dm}^3$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 14,507 B. 4570 C. 14057 D. 14570

...../0,5đ **Câu 6: Mặt bàn hình tròn có đường kính 8 cm thì có diện tích là:**

- A. 50,24 cm² B. 28,26 cm² C. 18,84dm² D. 200,96 cm²

./ 7đ **PHẦN 2:**

..../ 2đ **Câu 7: Đặt tính và tính:**

$44,8 \times 0,49$

$$44,37 : 2,9$$

[illegible]

12 giờ 37 phút - 9 giờ 27 phút

3 ngày 10 giờ + 2 ngày 15 giờ

[illegible]

Đề 4:

<u>Điểm</u>	<u>Nhận xét:</u>	G.Khảo 1:	Mã:
		Thẩm định:	STT:

...../ 3đ **PHẦN 1: Khoanh tròn vào chữ A,B,C,D trước ý trả lời đúng nhất câu 1 đến câu 6: (3đ)**

....0,5đ **Câu 1:** Phân số $\frac{7}{1000}$ được viết thành số thập phân là:

- A. 0,7 B. 0,07 C. 0,007 D. 7,0

....0,5đ **Câu 2:** Chữ số 8 trong số thập phân 5,782 có giá trị là:

- A. $\frac{8}{10}$ B. $\frac{8}{100}$ C. $\frac{8}{1000}$ D. 8000

..../0,5đ **Câu 3:** Hỗn số $50\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- B. 50,9 B. 5,09 C.50,009 D. 50,09

.../0,5đ	Câu 4: Trong bể có 5 con cá coi, 20 con cá chép. Tỷ số phần trăm của số cá chép và số cá trong bể là:
----------	--

- A. 25% B. 20% C. 80% D. 100%

..../0,5đ **Câu 5:** $4,5 \text{ km}^2 = \dots \text{ m}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 4500000 B. 4005 C. 4050000 D. 450

...../0,5đ **Câu 6:** Một tấm kính hình thang có đáy lớn 5m, đáy bé 3m và chiều cao 6m. Diện tích của tấm kính hình thang đó là

- B. 32m^2 B. 24dm^2 C. 48m^2 D. 24m^2

...../ 7đ **PHẦN 2:**

..../ 2đ	Câu 7: Đặt tính và tính:
----------	---------------------------------

$43,5 \times 8,6$

$$11,48 : 0,56$$

[illegible]
$$2 \text{ phút } 33 \text{ giây} + 6 \text{ phút } 34 \text{ giây}$$

19 giờ 55 phút: 5

[illegible]

Câu 8: a/ Tìm x

$$X : 5,7 = 9,08 + 2$$

b/ Tính giá trị biểu thức:

86,8: (8 -4,5)

[illegible]

.... / 2d

Câu 9: Bài toán

Quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B dài 235km. Một người đi ô tô từ tỉnh A đến tỉnh B với vận tốc 60 km/ giờ. Cùng lúc đó, một người đi xe máy từ tỉnh B về tỉnh A với vận tốc bằng $\frac{2}{3}$ vận tốc ô tô. Hỏi:

- Kể từ lúc bắt đầu đi, sau bao lâu ô tô và xe máy gặp nhau?
- Chỗ gặp cách B bao nhiêu ki-lô-mét

Giải

[illegible]

Câu 10 : Bài toán: Tính diện tích phần tô đậm của hình sau

Giải

[illegible]